

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
QUÝ 3 NĂM 2008**

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

ĐVT: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ (01/07/08)	Số dư cuối kỳ (30/09/08)
I	Tài sản ngắn hạn	143,009,047,243	127,359,669,587
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,560,380,918	2,124,863,395
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12,000,000,000	8,500,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	46,571,355,771	21,648,897,019
4	Hàng tồn kho	23,879,164,972	32,876,445,999
5	Tài sản ngắn hạn khác	57,998,145,582	62,209,463,174
II	Tài sản dài hạn	52,016,070,437	84,131,064,810
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	38,833,266,493	70,864,845,167
	- Tài sản cố định hữu hình	36,107,923,350	68,158,244,235
	- Tài sản cố định vô hình	2,713,524,961	2,694,782,750
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11,818,182	11,818,182
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	13,182,803,944	13,266,219,643
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	195,025,117,680	211,490,734,397
IV	Nợ phải trả	120,489,738,251	134,702,880,611
1	Nợ ngắn hạn	93,378,281,479	100,652,870,437
2	Nợ dài hạn	27,111,456,772	34,050,010,174
V	Vốn chủ sở hữu	74,535,379,429	76,787,853,786
1	Vốn chủ sở hữu	74,374,789,834	76,627,264,191
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35,000,000,000	35,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	35,000,000,000	35,000,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	643,354,656	643,354,656
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,731,435,178	5,983,909,535
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	160,589,595	160,589,595
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	160,589,595	160,589,595
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	195,025,117,680	211,490,734,397

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SÀI GÒN

Đường số 10 KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú - TP.Hồ Chí Minh

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.761.703.953	125.239.078.379
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	130.018.041	530.499.720
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.631.685.912	124.708.578.659
4	Giá vốn hàng bán	39.740.699.506	101.962.950.305
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.890.986.406	22.745.628.354
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.261.441.062	1.666.878.975
7	Chi phí tài chính	4.359.877.873	8.429.931.333
8	Chi phí bán hàng	1.081.401.390	4.226.686.732
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.140.653.166	6.299.813.544
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.570.495.039	5.456.075.720
11	Thu nhập khác	65.365.054	341.148.869
12	Chi phí khác	26.039.496	31.818.187
13	Lợi nhuận khác	39.325.558	309.330.682
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.609.820.597	5.765.406.402
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	195.736.545	432.405.480
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.414.084.052	5.333.000.922
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	690	1.524
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

THUYẾT MINH:

- Kết quả kinh doanh Quý II/2008 của Công ty đạt lợi nhuận trước thuế: 2.154.795.933đ và lợi nhuận trước thuế của Quý III/2008 là: 2.609.820.597đ, tỷ lệ tăng 21,12%.
- Quý III năm 2008 đạt lợi nhuận cao là do trong tháng 6/2008 với sự biến động của giá dầu và đồng USD nên Công ty đã tăng được giá bán. Từ tháng 7-9/2008 là áp dụng theo giá bán mới.

Lập ngày 16 tháng 10 năm 2008

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Lê Thị Lý



Nguyễn Thị Thanh Sơn



DƯƠNG QUỐC THÁI